

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 20 / SCT-VP
V/v xây dựng lộ trình cung cấp
dịch vụ công trực tuyến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 01 năm 201

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Sở Công Thương nhận được Công văn số 715/STTTT-CNTT ngày 12/12/2014 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Công Thương xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Sở như sau:

(Có bản phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến kèm theo).

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLXNK và TMDT;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Thị Thu Nguyệt

LỘ TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Công văn số: 20 /SCT-VP ngày 28 / 01 / 201 của Sở Công Thương)

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

1.1. Thực trạng giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến:

a) Đánh giá chung:

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng, nhiệm vụ là tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, thương mại. Trên cơ sở các quy định của Trung ương và của tỉnh về lĩnh vực cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, qua đó tất cả các thủ tục hành chính được giải quyết theo đúng quy định pháp luật như về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, phí, lệ phí, thời hạn giải quyết. Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung để trình công bố, công khai theo đúng quy định. Nội dung tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC được niêm yết công khai tại trụ sở Liên cơ quan và trên website của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi, công tác giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân còn những khó khăn, hạn chế nhất định như nhiều thủ tục hành chính quy định còn rườm rà chưa tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, trong khi nhu cầu của người dân ngày càng cao.

b) Thực tế số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý đối với từng thủ tục hành chính trong năm trước.

- Tên thủ tục số lượng hồ sơ nhiều nhất trong năm 2014: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm: 83 hồ sơ, xác nhận kiên thức An toàn thực phẩm: 69 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý: 759

1.2. Đánh giá mức độ sẵn sàng cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

a) Đánh giá mức độ sẵn sàng hạ tầng: Hạ tầng mạng của Sở đảm bảo đường truyền cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Sở được trang bị 01 máy chủ đáp ứng cho việc lưu trữ thông tin, 100% máy tính của các phòng, đơn vị của Sở đều được kết nối Internet.

b) Đánh giá mức độ sẵn sàng về nhân lực: Lãnh đạo Sở quyết tâm thực hiện đúng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Sở. Hiện nay Sở đã xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến với 41 thủ tục ở mức độ 3, có phòng chuyên môn và cán bộ công nghệ thông tin đảm bảo cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

c) Đánh giá nguồn lực tài chính: Sở được đầu tư nguồn kinh phí Thương mại điện tử trong đó có một phần để xây dựng, duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3.

d) Đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia dịch vụ công trực tuyến của các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Phần lớn các đối tượng hưởng lợi từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến việc nắm bắt, cập nhật thông tin và trình độ CNTT còn nhiều hạn chế; không chủ động và khó thay đổi thói quen sử dụng dịch vụ trực tiếp tại các cơ quan hành chính nhà nước, mức độ sẵn sàng chưa cao đối với việc tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Xác định lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho từng dịch vụ, nhóm dịch vụ.

Sở Công Thương đã xây dựng và triển khai các thủ tục hành chính ở mức độ 3 cụ thể như sau:

TT	Tên nhóm dịch vụ
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm
2	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa
3	Lĩnh vực Điện
4	Lĩnh vực Vật liệu nổ
5	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại
6	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

II. KHUNG LỘ TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN.

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung: Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc giải quyết các TTHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cải cách hành chính, tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ tốt hơn cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đảm bảo các thủ tục hành chính thông qua cung cấp dịch vụ công được tiếp nhận và giải quyết đạt hiệu quả và đúng quy định.
- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu bảo đảm cho các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả.
- Phấn đấu đến năm 2020 cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

2. NỘI DUNG

2.1 Số liệu chung:

- Tổng số TTHC: 84 thủ tục

Trong đó: + Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 69
 + Thủ tục hành chính cấp huyện: 12
 + Thủ tục hành chính cấp xã: 03

2.2 Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cung cấp trong năm 2015.

TT	Tên DVCTT	Mức DVC TT	Cấp dịch vụ (tỉnh/huyện/xã)	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan đồng xử lý
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
II	Lĩnh vực Điện				
5	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn và hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV và có tổng công suất lắp đặt của các trạm biến áp dưới 03 MVA đối với khu vực đô thị tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
6	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn và hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV và có tổng công suất lắp đặt của các trạm biến áp dưới 03 MVA đối với khu vực đô thị tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
7	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3MW tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
8	Thủ tục cấp sửa đổi và bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3MW đặt tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
9	Thủ tục Cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và Trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
10	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và Trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
11	Thủ tục Cấp Giấy phép Tư vấn giám sát thi công đường dây và Trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
12	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và Trạm biến áp	3	Tỉnh	Sở Công Thương	

	có cấp điện áp từ 35KV trở xuống				
13	Thủ tục cấp thẻ kiểm tra viên điện lực lần đầu cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
14	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực trường hợp bị mất hoặc bị hỏng thẻ cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
15	Thủ tục cấp thẻ kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
16	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ đến cấp điện áp 0.4KV tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
17	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ đến cấp điện áp 0.4KV tại địa phương	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
III	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp				
18	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
19	Cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
20	Điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
21	Đăng ký Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
IV	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước				
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
24	Cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
25	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng đối với Cửa hàng bán LPG chai	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
26	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
27	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
28	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
29	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn	3	Tỉnh	Sở Công Thương	

	(hoặc đại lý bán buôn) rượu			Thương	
30	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
31	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung, giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
V Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng					
32	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu (dưới 3 triệu lít/ năm)	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu (dưới 3 triệu lít/ năm)	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
34	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu (dưới 3 triệu lít/năm)	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
35	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
36	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
37	Thủ tục Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
38	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
39	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
40	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
VI Lĩnh vực Xúc tiến thương mại					
41	Thủ tục Thông báo thực hiện khuyến mại	3	Tỉnh	Sở Công Thương	

2.3. Định hướng đến năm 2020:

TT	Tên DVCTT	Mức DVCTT	Cấp dịch vụ (tỉnh/huyện/xã)	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan đồng xử lý
1	Lĩnh vực Hóa chất	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
2	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
3	Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
4	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	3	Tỉnh	Sở Công Thương	
5	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	3	Tỉnh	Sở Công Thương	

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

3.1. Giải pháp hành chính. Xây dựng quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức 3 đối với các lĩnh vực đã xây dựng trong năm 2015.

3.2. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ.

- Nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở và cổng thông tin điện tử đảm bảo hoạt động liên tục và liên thông.

- Đảm bảo tính ổn định của đường truyền số liệu chuyên dùng để phát huy hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Các phòng chuyên môn phối hợp thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và Trang thông tin điện tử của Sở.

3.3. Giải pháp nhân lực.

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, bổ sung biên chế để đảm bảo vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Kiện toàn lại Ban biên tập Trang thông tin điện tử, hệ thống tổ chức cán bộ, công chức công nghệ thông tin để kịp thời tham mưu đề xuất việc ứng dụng CNTT tại cơ quan, đảm bảo triển khai, vận hành mang lại hiệu quả thiết thực. Đồng thời đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nguồn nhân lực có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, hỗ trợ khắc phục các sự cố về CNTT.

3.4. Giải pháp tổ chức, triển khai.

- Đôn đốc các phòng chuyên môn thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo đúng kế hoạch đã đề ra, đánh giá mặt đạt được và chưa đạt được của các dịch vụ công, đồng thời đánh giá kết quả thực hiện nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Giao phòng Quản lý Xuất nhập khẩu và Thương mại điện tử phối hợp với các phòng chuyên môn có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch cung cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến cũng như dự trù kinh phí chi tiết hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai.

3.5. Giải pháp nâng cao nhận thức, thu hút người sử dụng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân về nội dung, ý nghĩa của việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử của Sở, trên bản tin của ngành và trên chuyên mục truyền hình Công Thương qua Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

- Kết hợp và lồng ghép với các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan giới thiệu loại hình dịch vụ công trực tuyến nhằm quảng bá rộng rãi cho tổ chức, cá nhân biết và hưởng ứng.

3.6. Giải pháp tài chính. Kinh phí nâng cấp Website và phần mềm ứng dụng cho hệ thống dịch vụ công trực tuyến được hỗ trợ từ nguồn kinh phí hàng năm của cơ quan.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu và Thương mại điện tử cử cán bộ phối hợp với văn phòng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hạ tầng thông tin để đảm bảo hệ thống mạng, máy chủ và phần mềm hoạt động liên tục; Phối hợp với

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các hệ thống thông tin của ngành, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

- Bộ phận một cửa đặt tại Văn phòng Sở có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phối hợp với các phòng chuyên môn chủ động và thường xuyên truy cập vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân, phân loại việc tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Lãnh đạo sở duyệt và có trách nhiệm báo cáo kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hàng tuần theo định kỳ hoặc đột xuất khi lãnh đạo yêu cầu.

Trên đây là lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Sở Công Thương, đề nghị các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc có liên quan tổ chức thực hiện. / *vt*

Nơi nhận:

- Sở TTTT;
- Các phòng CM, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Thị Thu Nguyệt